

# ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA KIỀU HỒI ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000 – 2014

Đình Anh Tuấn\*

Ngày nhận: 2/01/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/01/2016

Ngày duyệt đăng: 25/01/2016

## Tóm tắt:

*Trong vòng 20 năm trở lại đây, số lượng công nhân di cư của Việt Nam tăng trưởng liên tục, phát sinh theo một khoản tiền gửi đáng kể, đồng hành cùng với dòng vốn do kiều bào định cư và làm việc tại nước ngoài tạo nên dòng chảy kiều hối mạnh mẽ về Việt Nam. Thông qua các số liệu và nhận định được tổng hợp trong bài viết này, có thể thấy rằng dòng chảy kiều hối phát triển bền vững hơn và đáng kể hơn so với các nguồn vốn khác trong thời kỳ khủng hoảng, trở thành nguồn lực hỗ trợ cho các hộ gia đình gia tăng tiết kiệm hoặc đầu tư phát triển, nguồn lực điều kiện tài chính cho các hộ gia đình tham gia các hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, hoặc đầu tư cho tài sản cố định, cho nguồn nhân lực, qua đó thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.*

**Từ khóa:** kiều hối, FDI, ODA, đầu tư, hộ gia đình

## The impact of remittances on domestic investment activities in Vietnam over the 2000 – 2014 period

### Abstract

*Over the last 20 years, the number of Vietnamese becoming migrant workers has continuously increased. Thanks to the well-paid jobs, this group of people has generated a significant amount of savings, which almost transferred back to the country. This flow together with capital flows from overseas Vietnamese residing and working in foreign countries have created a strong flow of remittances to Vietnam. From the collected data and summarized assessments in this article, we can see that the flow of remittances has developed even more sustainably than the other funds during the time of crisis. It has become the substantial resources providing support for receiving-households, improving their living conditions, increasing their savings, and motivating them to participate in business and investment activities, thereby promoting the development of the economy.*

**Keywords:** remittances, FDI, ODA, investment, household

## 1. Đặt vấn đề

Trong vòng hai thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã bắt tay vào thực hiện công cuộc đổi mới bao gồm việc mở cửa nền kinh tế hội nhập với thế giới. Với vị thế là một quốc gia đang phát triển với dân số đông và trẻ, Việt Nam có tiềm năng lớn trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường toàn cầu. Năm bắt được lợi thế đó, Việt Nam đã và đang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động để giảm thiểu áp lực lên thị trường lao động nội địa đồng thời đẩy nhanh việc giảm thiểu đói nghèo nhờ vào sự gia tăng về thu nhập của các lao động khi di cư.

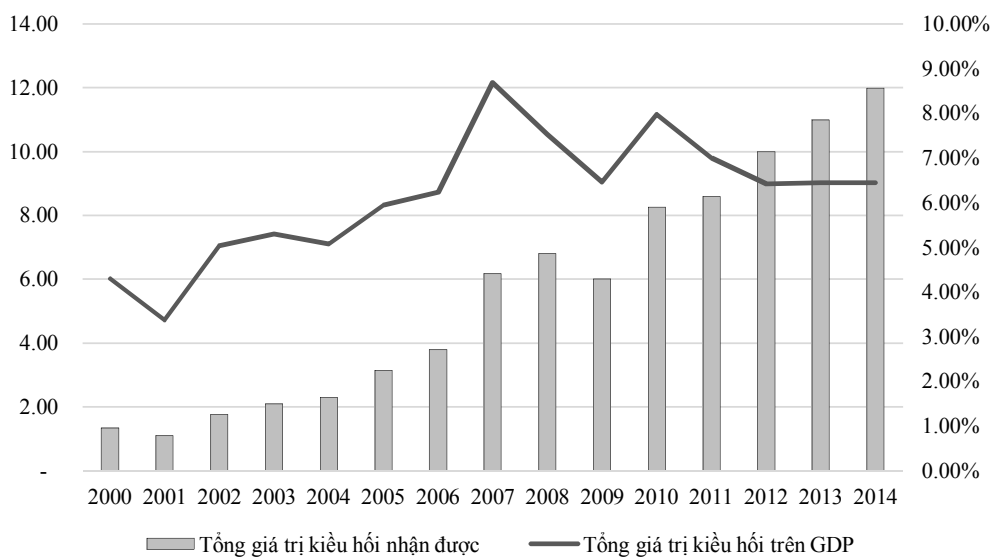
Như là kết quả tất yếu của chủ trương này, một số

lượng lớn công nhân đã được chuyển tới khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ trong vòng 15 năm qua, làm gia tăng một lượng lớn kiều hối, một nguồn lực quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển cho nền kinh tế, đặc biệt là đối với các hoạt động đầu tư, ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.

Với điểm tồn tại là kiều hối chưa được định nghĩa và phân tích thống kê một cách rõ ràng, tác động của nguồn vốn này hiện còn đang được xem nhẹ, từ đó dẫn đến việc chưa có những biện pháp cụ thể hướng đến việc điều hướng kiều hối vào những hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh hiệu quả nhất.

Bài viết này tổng hợp lại các quan sát và đánh giá

**Hình 1: Dòng chảy kiều hồi vào Việt Nam qua các năm 2000 – 2014**



*Nguồn: World Bank (2015a)*

về dòng chảy kiều hồi tại Việt Nam, cùng tác động của dòng vốn này tới hoạt động đầu tư tập trung chủ yếu ở cấp độ vi mô trong giai đoạn 2000 – 2014.

## 2. Toàn cảnh dòng chảy kiều hồi giai đoạn 2000 - 2014

Theo như ghi nhận trong nghiên cứu của Nguyen Duc Thanh & Hoang Thi Chinh Thon (2012), hiện tại có hơn 3 triệu người Việt Nam (chiếm khoảng 3.5% dân số) đang sinh sống tại nước ngoài, trong số đó 80% tại các quốc gia phát triển. Trong thập kỷ vừa qua, số lượng công nhân di cư của Việt Nam tăng trưởng liên tục, phát sinh theo một khoản tiền gửi đáng kể về Việt Nam, hỗ trợ một nguồn lực lớn cho nền kinh tế cũng như cho các hộ gia đình.

Tuy nhiên, phần nào đó khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng đã có những tác động tiêu cực đối với thị trường lao động xuất khẩu của Việt Nam, làm giảm thiểu mức thu nhập cũng như số lượng công nhân di cư. Từ đó, cũng làm ảnh hưởng tiêu cực tới dòng chảy kiều hồi về Việt Nam, phúc lợi xã hội và quá trình giảm thiểu đói nghèo.

Hình 1 cung cấp dữ liệu về lượng kiều hồi về Việt Nam xét về tổng giá trị kiều hồi và % so sánh với GDP cho các năm từ 2000 – 2014.

Trong năm 2000, tổng giá trị kiều hồi đã đạt 1,34 tỷ USD và nhân lên gần gấp ba vào năm 2006, chiếm gần 9% tổng giá trị sản phẩm quốc nội GDP. Sau khi khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra vào cuối năm 2008, lượng kiều hồi đã giảm trong năm 2009, tuy nhiên đã nhanh chóng tăng trở lại vào những năm tiếp theo, và chiếm khoảng 7% GDP trong những năm gần đây.

## 3. Dòng chảy kiều hồi phát triển bền vững và

## gia tăng vị thế dẫn đầu

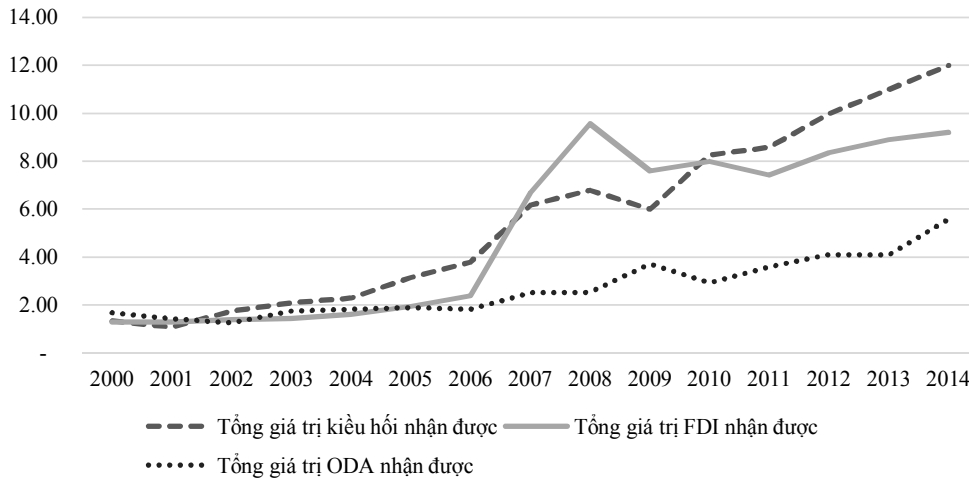
Hình 2 cho thấy lượng kiều hồi đã gia tăng đáng kể trong vòng 15 năm qua khi so sánh với các nguồn vốn tài chính khác từ nước ngoài.

Trong khi tổng giá trị kiều hồi trong những năm đầu thập kỷ 2000 vẫn thấp hơn lượng vốn FDI và các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, từ năm 2002 đã vượt qua các nguồn vốn này, và tiếp tục gia tăng khoảng cách trong những năm tiếp theo. Lượng vốn FDI chỉ vượt qua tổng giá trị kiều hồi trong năm 2007 khi Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, thể hiện kỳ vọng tích cực từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Hình 2 cũng cho thấy, dòng kiều hồi phát triển bền vững hơn và đáng kể hơn so với các nguồn vốn khác trong thời kỳ khủng hoảng. Hơn thế nữa, phải lưu ý rằng trong khi những ghi nhận về tổng giá trị nguồn vốn FDI và ODA thường khá chính xác, thì những ghi nhận về dòng kiều hồi có thể vẫn chưa tổng hợp và phản ánh được đúng giá trị thực khi mà đặc điểm của dòng vốn này thường được chuyển về qua những kênh không chính thức.

Một điều quan trọng khác cũng cần phải lưu ý là ở tại các thống kê này, mặc định rằng có hai nguồn chính cho dòng kiều hồi chảy về Việt Nam. Nguồn thứ nhất là từ Việt Kiều, những người đã có thời gian sinh sống và định cư lâu dài tại nước ngoài, và nguồn thứ hai là từ lực lượng công nhân di cư đang tăng trưởng mạnh mẽ do chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động của Chính phủ trong những năm vừa qua. Hai dòng kiều hồi này khi được gửi về Việt Nam có những mục đích hoàn toàn khác nhau do sự khác biệt từ đối tượng người gửi.

**Hình 2: Dòng chảy các dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2000 -2014**



Nguồn: World Bank (2015a, 2015b và 2015c)

Với dòng kiều hối từ cộng đồng Việt Kiều, một lượng lớn được gửi về với mục đích đầu tư vào nền kinh tế cùng mục tiêu lợi nhuận, một sự khác biệt khá rõ rệt so với thập niên 1990 khi dòng vốn này chủ yếu nhằm hỗ trợ đời sống của người thân của đối tượng người gửi. Sự thay đổi này có thể được lý giải do mức độ mở trong thông tin về những tín hiệu tốt về sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong những năm vừa qua. Dòng kiều hối thứ hai từ cộng đồng công nhân di cư cũng có sự gia tăng rõ rệt, thường phân mảnh, nhỏ lẻ nhưng tần suất gửi đều đặn hơn.

#### 4. Tác động của dòng chảy kiều hối đối với tình hình kinh tế và hoạt động đầu tư ở cấp độ vi mô (hộ gia đình) trong giai đoạn 2000 - 2014

##### 4.1. Đặc điểm của hộ gia đình nhận kiều hối

Các quốc gia nhận kiều hối thường có đặc điểm thu nhập quốc gia không đồng đều và bất ổn định; thị trường tài chính tại các quốc gia này thường kém phát triển, đặc biệt người dân có rất ít lựa chọn dịch vụ cho hoạt động tín dụng và bảo hiểm. Nhận định này có thể được minh chứng thông qua Hình 3 cho thấy top 10 quốc gia nhận kiều hối năm 2010 theo thống kê của World Bank (2011). Khi đó, kiều hối có thể nhận vai trò thay thế cho thị trường tài chính, ví dụ, là nguồn lực điều kiện tài chính cho các hộ gia đình tham gia các hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, hoặc đầu tư cho tài sản cố định, cho nguồn nhân lực, qua đó thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế (Đỗ Kim Hào, 2011).

Nghiên cứu của Nguyen Duc Thanh & Hoang Thi Chinh Thon (2012) về kiều hối tại Việt Nam chỉ ra rằng: (i) các hộ gia đình sinh sống tại thành thị có nhiều cơ hội nhận kiều hối hơn là các hộ gia đình tại khu vực nông thôn; (ii) các hộ gia đình giàu có hơn sẽ có nhiều cơ hội hơn các hộ gia đình nghèo hơn;

(iii) các hộ gia đình mà chủ gia đình làm nghề nông sẽ có ít cơ hội nhận kiều hối hơn các hộ gia đình khác; (iv) các hộ gia đình với chủ gia đình là phụ nữ sẽ có nhiều cơ hội hơn các chủ gia đình là nam giới.

##### 4.2. Tác động của kiều hối đến lựa chọn chi tiêu và đầu tư của các hộ gia đình

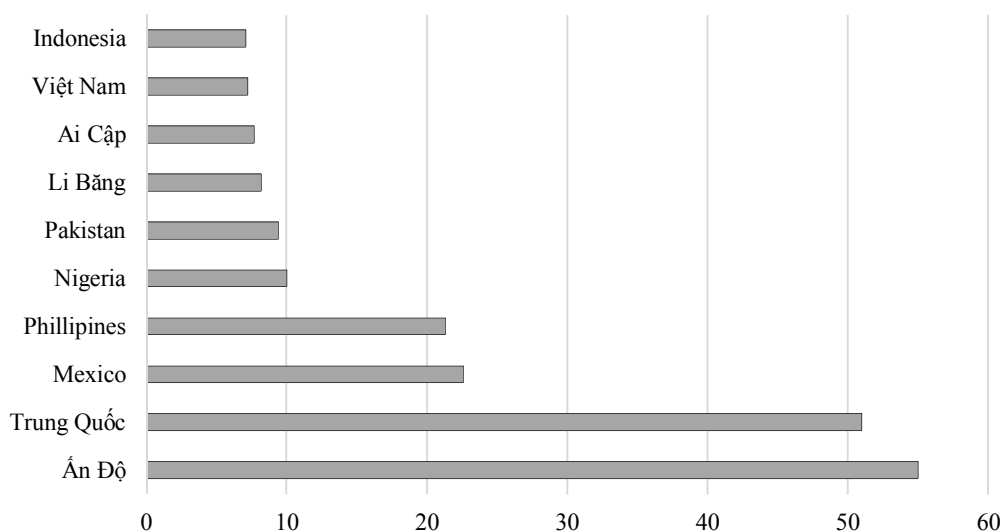
Trong trường hợp của Việt Nam, Nguyen (2008) đã thực hiện nghiên cứu định lượng dựa trên bộ dữ liệu VHLSS và đưa ra những kết luận về cách thức sử dụng kiều hối của các hộ gia đình tại Việt Nam. Theo nghiên cứu này, kiều hối có ảnh hưởng tích cực đáng kể tới chi tiêu dùng trên đầu người. Kiều hối làm gia tăng chi tiêu trên đầu người lần lượt ở các mức 716,000 và 478,000 VND, tương ứng với 9% và 7% tổng chi tiêu trên đầu người trong hai năm 2002 và 2004 (Nguyen, 2008).

Cụ thể, việc nhận kiều hối làm gia tăng chi tiêu ngoài mục đích cho mua sắm thực phẩm của các hộ gia đình được nhận. Tuy nhiên, ước lượng tác động của kiều hối cho tiêu dùng thực phẩm, y tế và giáo dục không thực sự đáng kể. Lý do cho ảnh hưởng không lớn của kiều hối tới chi tiêu dùng của các hộ gia đình có thể là bởi các hộ gia đình này đã có mức chi tiêu đủ cao. Vì vậy, việc có thêm nguồn tài chính từ kiều hối không dẫn tới sự gia tăng đáng kể nào cho chi tiêu dùng.

Kết quả đáng nói ở nghiên cứu này chính là ảnh hưởng của kiều hối tới thu nhập của hộ gia đình cao hơn nhiều so với tác động đến mức chi tiêu. Nhận định này đã được kiểm định bởi các công cụ thống kê, chứng minh mức độ ảnh hưởng này không tương đồng. Từ đó, kết quả cho thấy kiều hối là nguồn lực hỗ trợ cho các hộ gia đình gia tăng tiết kiệm hoặc đầu tư phát triển.

Cũng với mục đích tìm hiểu về cách thức sử dụng kiều hối, Pfau & Giang Thanh Long (2010) đã thực

**Hình 3: Top 10 quốc gia nhận kiều hối năm 2010 (Đơn vị: tỷ USD)**



Nguồn: World Bank (2011)

hiện nghiên cứu dựa trên bộ cơ sở dữ liệu VLSS cũ hơn. Kiều hối có thể được sử dụng để chi tiêu cho thực phẩm, nhà cửa, hoặc các hàng hoá tiêu dùng khác, hoặc cho giáo dục, và thậm chí đầu tư sản xuất kinh doanh. Câu trả lời được tìm kiếm từ kết quả điều tra bảng hỏi năm 1997-1998.

Trong bảng hỏi này, có tổng cộng 497 cá nhân nhận kiều hối, thuộc 377 hộ gia đình khác nhau. Với mỗi ghi nhận về việc nhận kiều hối, cá nhân được yêu cầu chỉ ra tối đa ba cách thức khác nhau khoản kiều hối nhận được đã được sử dụng. Trong 497 câu trả lời, toàn bộ đều đưa ra ít nhất một cách thức sử dụng, 56 câu trả lời đưa ra cách thức sử dụng thứ hai, và chỉ có 7 câu trả lời đưa ra mục đích sử dụng thứ ba. Đối với ghi nhận mục đích sử dụng đầu tiên, 86,7% (431 trường hợp) chi cho tiêu dùng, 0,4% (2 trường hợp) chi cho giáo dục, 3% (15 trường hợp) đầu tư cho hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, 1,2% (6 trường hợp) đầu tư cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, 4,6% (23 trường hợp) dùng nguồn vốn này để xây nhà, và 4% (20 trường hợp) với mục đích sử dụng khác.

Ước tính của tác giả đưa ra kết quả chi tiêu dùng chiếm tổng cộng 73% tổng giá trị kiều hối nhận được. Trong khi đó, xây dựng nhà cửa chiếm 14,4%, các hoạt động đầu tư phi nông nghiệp chiếm 6%, phần còn lại cho giáo dục, đầu tư cho nông nghiệp và các mục đích khác. Tại Việt Nam cũng như một số quốc gia đang phát triển khác, mua sắm đất đai hoặc xây dựng nhà cửa là những hoạt động với mục đích đầu tư. Phần lớn các cá nhân khi thực hiện hoạt động này đều mong muốn giá trị của các tài sản đó sẽ tăng lên trong tương lai, từ đó làm gia tăng tài sản của cá nhân đó. Việc mua đất hoặc xây nhà khi so sánh với các hình thức đầu tư khác cũng có tính

thanh khoản cao hơn, hoặc không đi kèm với các rủi ro nếu đem đi làm khoản vay cho các cá nhân khác.

Cũng nhằm mục đích có được hiểu biết cụ thể hơn về tiêu dùng của các hộ gia đình nhận kiều hối, Nguyen (2006) cũng đã thực hiện nghiên cứu trong luận án thạc sĩ của mình dựa trên bộ cơ sở dữ liệu VLSS 2002. Tác giả đã chỉ ra rằng các hộ gia đình nhận kiều hối có xu hướng sử dụng phần lớn thu nhập tăng thêm cho hoạt động xây dựng nhà cửa. Nhóm các hộ gia đình ở mức sống thấp nhất sử dụng khoản kiều hối chi tiêu cho các nhu cầu của cá nhân, trong khi đó nhóm các hộ gia đình có mức sống cao nhất có xu hướng sử dụng nguồn vốn này đầu tư cho bất động sản.

Cùng chủ đề quan tâm về ảnh hưởng của kiều hối ở cấp độ hộ gia đình, León-Ledesma & Piracha (2004) đã phát triển mô hình nghiên cứu ảnh hưởng tích cực của kiều hối tới thị trường lao động (với giả định kiều hối được sử dụng cho đầu tư sản xuất kinh doanh, từ đó tạo ra việc làm nhiều hơn), đồng thời tiến hành điều tra việc kiều hối được sử dụng như thế nào tại các quốc gia Trung và Đông Âu. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy kiều hối được sử dụng cho đầu tư và tiêu dùng theo cách thức như nhau và giống với các khoản thu nhập khác, mặc dù có thiên hướng hướng đến mục đích đầu tư.

Nghiên cứu của Nguyen Duc Thanh & Hoang Thi Chinh Thon (2012) về kiều hối tại Việt Nam với việc sử dụng các kỹ thuật tính toán nâng cao, cũng chỉ ra rằng, việc nhận kiều hối giảm thiểu đáng kể khả năng nghèo đói của các hộ gia đình, vì vậy, thông thường các hộ gia đình nhận kiều hối có khả năng cao là không nghèo đói. Cụ thể, khả năng nghèo đói của các hộ gia đình giảm từ 3,4% xuống



8.6% trong trường hợp hộ gia đình đó nhận được kiều hối từ nước ngoài chuyên về.

### 5. Kết quả và thảo luận

Như vậy, có thể thấy, kiều hối có những ảnh hưởng tích cực đến hoạt động đầu tư và giảm thiểu đói nghèo tại cấp độ hộ gia đình, tuy nhiên chưa có những nghiên cứu minh chứng trực tiếp thông qua mô hình định lượng để khẳng định mối quan hệ giữa hai biến số.

Tuy nhiên, việc sử dụng kiều hối chưa tập trung cho hoạt động đầu tư vào sản xuất kinh doanh mà chỉ dừng lại ở đầu tư cho giáo dục, nhà đất hay chi tiêu dùng tiếp tục là một câu hỏi lớn cho các nhà nghiên cứu nhằm đưa ra những gợi ý cho việc tác động đến các yếu tố quyết định việc sử dụng kiều hối của các hộ gia đình.

Giải thích cho hiện tượng này có thể suy luận, diễn giải dựa trên những kịch bản về việc động cơ hình thành việc gửi kiều hối về nước.

Hagen-Zanker & Siegel (2007) cho rằng kịch bản đầu tiên cũng là kịch bản dễ chấp nhận nhất đó là việc kiều hối được gửi về xuất phát từ cảm giác vị tha muốn chăm sóc gia đình tại quê hương của kiều bào hoặc công nhân di cư. Những đối tượng sống xa quê hương này thực sự quan tâm đến tình trạng nghèo đói hoặc những sự kiện không may diễn ra với gia đình họ và vì vậy liên tục gửi kiều hối về cho gia đình. Khi đó, việc kiều hối được sử dụng chủ yếu cho chi tiêu dùng là điều dễ hiểu, nhằm mục đích cải thiện đời sống hàng ngày của hộ gia đình.

Ngược lại, với kịch bản về tình thương và lòng vị tha, vì mục đích lợi ích cá nhân (Hagen-Zanker & Siegel, 2007) cũng có thể là một động lực khác cho việc chuyển kiều hối về nước. Trong trường hợp này, những người di cư chuyển kiều hối về với nguyện vọng được thừa kế, để chứng tỏ vai trò bằng những hành động đáng được khen ngợi như một sự đầu tư cho tương lai với ý định quay trở lại quê hương. Khi đó, người thân ở tại quê hương có thể trở thành một đại diện uỷ thác đầu tư đáng tin cậy và có sẵn những thông tin về thị trường. Với ý định quay trở lại, thật dễ hiểu khi những người di cư thông qua gia đình mua nhà cửa và các tài sản có giá trị phục vụ cho cuộc sống trong tương lai. Lúc này, quan sát việc hộ gia đình sử dụng kiều hối để đầu tư vào bất động sản chưa hẳn đã là phục vụ cho động cơ đầu tư của bản thân họ, mà chính cho mục đích sử dụng trong tương lai của người gửi kiều hối về nước.

Kịch bản thứ ba phù hợp hơn với đối tượng công nhân di cư, khi lượng kiều hối gửi về được coi như một khoản bù đắp, trả lại cho khoản đầu tư của gia đình phục vụ cho chi phí của việc di cư (Hagen-

Zanker & Siegel, 2007). Phần lớn các công nhân di cư này xuất phát từ những địa phương có điều kiện kinh tế chưa phát triển, chi phí cho việc lao động tại nước ngoài bao gồm phí đào tạo nghề, phí đào tạo ngoại ngữ và các giấy tờ thủ tục, vé máy bay là cả một khoản lớn đối với các hộ gia đình. Đồng thời, việc gửi người thân đi lao động nước ngoài được coi như một hình thức bảo hiểm khi gia đình xảy ra các biến cố không may, kiều hối có thể sẽ được gửi về như một khoản hỗ trợ chính, đó là nguyên nhân vì sao chúng ta có những quan sát về việc chi kiều hối cho chữa bệnh, chi phí y tế. Do bản thân tình hình kinh tế tại các địa phương này chưa phát triển, nên việc sử dụng kiều hối để đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thể chưa hiệu quả, đồng thời với ảnh hưởng của văn hoá coi trọng việc học, coi việc học tập là một cách thức để cải thiện kinh tế trong tương lai, các hộ gia đình còn có xu hướng sử dụng kiều hối đầu tư cho giáo dục của các thế hệ kế tiếp.

Với một góc nhìn rộng hơn, ngoài phần kiều hối được sử dụng cho tiêu dùng và đầu tư trực tiếp, kiều hối có thể được gửi vào các tổ chức trung gian tài chính sau đó lại được cho vay tài trợ cho các hoạt động đầu tư phát triển kinh tế mặc dù khối lượng còn nhỏ. Đã có nhiều nghiên cứu tập trung phân tích tác động dài hạn của kiều hối đối với nền tảng trường kinh tế với kết quả cho thấy, các tác động này chịu ảnh hưởng bởi những động cơ khác nhau của các nước chuyên tiền và đặc điểm riêng của các nước nhận tiền.

Kiều hối thường sẽ phát huy tiềm năng cho đầu tư tốt hơn tại những quốc gia có nền tảng thị trường tài chính hiện đại và linh hoạt và các chính sách của Chính phủ có khả năng hỗ trợ cho các nhu cầu về dịch vụ tài chính của những cá nhân định cư hoặc sống và làm việc tại nước ngoài. Những thách thức cụ thể bao gồm việc cải thiện nền tảng thị trường tài chính trên phương diện mức độ tin cậy và phạm vi giao dịch, điều chỉnh các chính sách hiện có để giảm thiểu các chướng ngại cho các kênh chuyển kiều hối chính thức, đồng thời cải thiện chất lượng thông tin về đối tượng người di cư và thông tin về kiều hối.

Đứng trên góc độ của những người gửi kiều hối, hệ thống kênh chuyển kiều hối phi chính thức yêu cầu mức chi phí thấp hơn và có những lựa chọn có mức độ tin cậy tốt hơn so với các kênh chính thức. Cụ thể, hệ thống ngân hàng còn yếu kém cùng với các yêu cầu, điều luật mang tính giới hạn cao đi kèm với việc khuyến khích sử dụng các kênh phi chính thức, khiến cho hoạt động chuyển kiều hối gặp khó khăn nhiều hơn trong việc định lượng và làm giảm đi tác động đến sự phát triển của kiều hối. Thách thức đặt ra là làm thế nào để điều chỉnh hệ thống các

điều luật linh hoạt nhưng bao quát đủ để điều hướng cả hai nhóm kênh chính thức và phi chính thức.

Mối quan hệ giữa kiều hối, sự phát triển thị trường tài chính với đầu tư và tăng trưởng cần phải được nghiên cứu nhiều và sâu hơn ở cấp độ vĩ mô của nền kinh tế trong tương lai.

Trong trường hợp tại các quốc gia có thị trường tài chính ở giai đoạn trưởng thành, phát triển cao, hoạt động có hiệu quả, thì việc kiều hối được đưa vào những thị trường này sẽ được sử dụng vào những mục đích có hiệu quả nhất, từ đó đem lại khả năng sinh lời cao nhất cho các hoạt động đầu tư, tác động tích cực đến nền kinh tế.

## 6. Khuyến nghị

Giống như các quốc gia xuất khẩu lao động khác, một trong những thử thách lớn nhất đối với Việt Nam là làm thế nào định hướng dòng chảy kiều hối tới hoạt động đầu tư dài hạn cụ thể cho đầu tư phát triển và nguồn nhân lực, để từ đó có thể đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế thực thụ, bao gồm các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này, những điều chỉnh nghiêm túc để cải

thiện môi trường kinh doanh, bền vững hoá các nền tảng kinh tế vĩ mô, và phát triển thị trường vốn cũng như thị trường lao động cần được triển khai sớm. Hơn thế nữa, Chính phủ cũng cần thiết đẩy mạnh thực hiện đổi mới các chính sách thúc đẩy tính hiệu quả tránh lãng phí cho vận hành nền kinh tế để hấp thụ kiều hối một cách tốt hơn.

Một trong những vấn đề quan trọng khác liên quan đến lao động xuất khẩu của Việt Nam đó là hành vi của các công nhân di cư. Để giải quyết vấn đề này, cần thiết thực hiện các chương trình đào tạo và định hướng trước khi đi lao động tại nước ngoài để gia tăng năng lực và kỷ luật cho đội ngũ công nhân di cư, đảm bảo việc họ tôn trọng và thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng cũng như luật pháp của quốc gia sinh sống. Những hành động vi phạm hợp đồng và luật pháp nước sở tại sẽ làm giảm uy tín nói chung của quốc gia, từ đó giảm các cơ hội cho công nhân Việt Nam đi xuất khẩu lao động, giảm lượng kiều hối và những ảnh hưởng tích cực mang lại cho hoạt động đầu tư và sự phát triển của nền kinh tế□.

## Tài liệu tham khảo

- Đỗ Kim Hào (2011), 'Đánh giá một số tác động của kiều hối đối với nền kinh tế Việt Nam', *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 107(2), 3-6.
- Hagen□Zanker, J. & Siegel, M. (2007), 'The Determinants of Remittances: A Review of the Literature', *working paper No. 003*, Maastricht University.
- León-Ledesma, M., & Piracha, M (2004), 'International migration and the role of remittances in Eastern Europe', *International Migration*, 42(4), 65-83.
- Nguyen Duc Thanh & Hoang Thi Chinh Thon (2012), 'Effects of Global Crisis on Remittances and Poverty', in *Global Crisis, Remittances, and Poverty in Asia*, Sugiyarto, G. (ed.), Mandaluyong City, Philippines.
- Nguyen, T.T.L. (2006), 'Remittances, Household Expenditure and Investment in Vietnam', master's thesis, International University of Japan, Niigata, Japan.
- Nguyen, V.C. (2009), 'The impact of international and internal remittances on household welfare: evidence from Vietnam', *Asia-Pacific Development Journal*, 16 (1), 59-92.
- Pfau, D.W. & Giang Thanh Long (2006), 'The Growing Role of International Remittances in the Vietnamese Economy: Evidence from the Vietnam (Household) Living Standard Surveys', presentation at *Global Movements in the Asia Pacific*, Ritsumeikan Asia-Pacific University, Oita, Japan, November 17<sup>th</sup> – 18<sup>th</sup>.
- World Bank (2011), *Migration and remittances factbook 2011*, 2<sup>nd</sup> edition, World Bank Publications, USA.
- World Bank (2015a), 'Annual Remittances Data', in *Development Prospects Group*, USA.
- World Bank (2015b), 'Net official development assistance and official aid received (current US\$)', in *World Development Indicators*, USA.
- World Bank (2015c), 'Foreign direct investment, net inflows (BoP, current US\$)', in *World Development Indicators*, USA.

---

## Thông tin tác giả:

\***Đinh Anh Tuấn**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Đầu tư, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Đầu tư, Đầu tư quốc tế

- Địa chỉ Email: tuanda1211@gmail.com | tuandinh@neu.edu.vn